

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **05** /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **03** tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ Ban hành Quy định mã định danh các đơn vị hành chính
và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ĐẾN	Số: ... 45
	Ngày: 03/1
	Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Công văn số 512/BTTTT-UDCNTT ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1161/TTr-SNV ngày 20 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định mã định danh các đơn vị hành chính và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các PCVP và CV: DL, TH;
- Lưu: VT, NV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

**QUY ĐỊNH MÃ ĐỊNH DANH CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
VÀ SỰ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **05** /QĐ-UBND ngày **03** tháng 01 năm 2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. NGUYÊN TẮC LẬP KHUNG MÃ ĐỊNH DANH CHUNG

Để thuận tiện trong quản lý, trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành, cần thiết phải xây dựng và thống nhất định danh các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng để sử dụng trong các hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Căn cứ hướng dẫn kỹ thuật liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong cơ quan nhà nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư lựa chọn lập mã định danh theo phương pháp quản lý định danh theo mã kết hợp với tên miền chung trên cơ sở sau:

- Về tổ chức: Hiện tại hệ thống các cơ quan hành chính trực thuộc UBND tỉnh có 40 đơn vị; trong đó, 19 đơn vị cấp tỉnh, 09 đơn vị cấp huyện, 12 đơn vị sự nghiệp- đặc thù trực thuộc UBND tỉnh. Theo mục tiêu cải cách nền hành chính, hệ thống các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp sẽ ít mở rộng và có hướng thu gọn dần. Song để đảm bảo quản lý được xu hướng hướng phát triển và đổi mới, dãy mã cấp cho các khối đơn vị dự kiến như sau:

+ Khối cơ quan chuyên môn cấp tỉnh chọn dãy mã số có phạm vi từ 00 đến 28 (trong đó, 19 mã cho các đơn vị hiện có, 10 mã dự phòng).

+ Khối UBND cấp huyện chọn dãy mã số có phạm vi từ 29 đến 50 (trong đó, 09 mã cho các đơn vị hiện có và 12 mã dự phòng).

+ Khối đơn vị sự nghiệp - đặc thù trực thuộc UBND tỉnh có tần suất thay đổi nhiều phù hợp với yêu cầu quản lý thực tế nên dãy mã được cấp rộng trong phạm vi từ 51 đến 99 (trong đó, 12 mã cho các đơn vị hiện có và 36 mã dự phòng).

Tổng hợp dãy mã số định danh cho các khối đơn vị hành chính:

Dãy mã	Khối cơ quan đơn vị	Tổng số	Đã dùng	Dự trữ
00 – 28	Cơ quan chuyên môn	29	19	10
29 – 50	Huyện, thị xã, thành phố	21	9	12
51 – 99	Các đơn vị sự nghiệp – đặc thù trực thuộc UBND tỉnh	48	12	36

II. PHÂN BỐ CHI TIẾT KHUNG MÃ ĐỊNH DANH CÁC KHỐI ĐƠN VỊ

1. Danh mục mã định danh các đơn vị cấp tỉnh.

a) Khối cơ quan chuyên môn:

Căn cứ Công văn 512/BTTTT-UĐCNTT ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong cơ quan nhà nước, tỉnh Thừa Thiên Huế có mã định danh là H57.

Mã	Đơn vị hành chính
H57	Tỉnh Thừa Thiên Huế

Mã định danh cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được sắp xếp theo thứ tự và có dãy mã số từ 00 – 99; để thuận tiện trong ghi nhớ mã định danh của các đơn vị cấp trên, số thứ tự lấy mã định danh của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh lấy tương ứng với số thứ tự của mã định danh đơn vị cấp trên như sau:

Mã	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Mã	Bộ, cơ quan ngang Bộ
00	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân		
01	Văn phòng UBND tỉnh		
02	Sở Công Thương	G2	Bộ Công Thương
03	Sở Giáo dục và Đào tạo	G3	Bộ Giáo dục và Đào tạo
04	Sở Giao thông Vận tải	G4	Bộ Giao thông Vận tải
05	Sở Kế hoạch và Đầu tư	G5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
06	Sở Khoa học và Công nghệ	G6	Bộ Khoa học và Công nghệ
07	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	G7	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
08	Sở Ngoại vụ	G8	Bộ Ngoại giao
09	Sở Nội vụ	G9	Bộ Nội vụ
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	G10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

11	-- Dự trữ --		
12	Sở Tài chính	G12	Bộ Tài chính
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	G13	Bộ Tài nguyên và Môi trường
14	Sở Thông tin và Truyền thông	G14	Bộ Thông tin và Truyền thông
15	Sở Tư pháp	G15	Bộ Tư pháp
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	G16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	Sở Xây dựng	G17	Bộ Xây dựng
18	Sở Y tế	G18	Bộ Y tế
19	-- Dự trữ --		
20	Thanh tra tỉnh	G20	Thanh tra Chính phủ
21	Ban Dân tộc tỉnh	G21	Ủy ban Dân tộc
22-28	-- Dự trữ --		

Dãy mã số cấp phát từ **00 đến 28**, hiện tại các mã chưa sử dụng gồm: 11, 19 và dãy mã từ 22 đến 28. Số lượng dự trữ là 9.

Ví dụ: Mã định danh của Sở Công Thương là:

[Sở Công Thương.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **02.H57**

b) Đơn vị hành chính cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố):

Danh mục mã định danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được sắp theo thứ tự vần từ A-Z.

Mã	Đơn vị hành chính
29	A Lưới
30	Huế
31	Hương Thủy
32	Hương Trà
33	Nam Đông
34	Phong Điền

35	Phú Lộc
36	Phú Vang
37	Quảng Điền
38- 50	-- Dự trữ --

Dãy mã số cấp phát quy định từ **29 đến 50**. Các mã số từ 38 đến 50 dự trữ cho các đơn vị hành chính mới hoặc thay đổi.

Vi dụ: Mã định danh của thành phố Huế là:

[Thành phố Huế. Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **30.H57**

c) Các đơn sự nghiệp - đơn vị đặc thù trực thuộc UBND tỉnh

Khỏi các đơn vị sự nghiệp – đơn vị đặc thù trực thuộc UBND tỉnh có dãy mã số cấp phát từ 51 đến 99. Dãy mã số dự trữ từ 64 đến 99, dự trữ cấp phát thêm được cho 37 đơn vị mới.

Mã	Cơ quan
51	Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh
52	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh
53	Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô
54	Ban Quản lý Phát triển Khu đô thị mới
55	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
56	Nhà xuất bản Thuận Hóa
57	Trường Cao đẳng Nghề Thừa Thiên Huế
58	Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh
59	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh
60	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế
61	Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh
62	Trung tâm Festival Huế
63	Viện Quy hoạch và Xây dựng tỉnh
64– 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế là:

[Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế. Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **60.H57**

2. Khung mã định danh cho các đơn vị trực thuộc huyện, thị xã và thành phố.

a) Danh mục mã định danh các đơn vị của thành phố Huế:

Thành phố Huế có mã định danh là 30.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố Huế:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên cơ quan
00	Văn phòng HĐND và UBND
01	Phòng Giáo dục và Đào tạo
02	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
03	Phòng Nội vụ
04	Phòng Tài chính Kế hoạch
05	Phòng Tài nguyên và Môi trường
06	Phòng Tư pháp
07	Phòng Văn hóa và Thông tin
08	Phòng Y tế
09	Thanh tra
10	Phòng Quản lý đô thị
11	Phòng Kinh tế
12 - 19	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Nội vụ thành phố Huế là:

[Phòng Nội vụ. Thành phố Huế. Tỉnh Thừa Thiên Huế] = 03.30.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố Huế:

Vùng cấp phát từ 20 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Quản lý Bến xe thuyền
21	Ban Quản lý Chợ An Cựu

22	Ban Quản lý Chợ Đông Ba
23	Ban Quản lý Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp
24	Ban Đầu tư và Xây dựng
25	Bảo tàng Văn hóa Huế
26	Đài Phát thanh
27	Đội Quản lý đô thị
28	Nhà Thiếu nhi
29	Trung tâm Văn hóa
30	Trung tâm Công viên cây xanh Huế
31	Trung tâm Hợp tác quốc tế
32	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
33	Trung tâm Thể dục Thể thao
34	Trường Trung cấp nghề Huế
35	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
36 – 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Nhà Thiếu nhi Huế thuộc thành phố Huế là:

[Nhà thiếu nhi.Thành phố Huế.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =28.30.H57

- Các đơn vị hành chính thuộc thành phố Huế:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Đơn vị hành chính
50	An Cựu
51	An Đông
52	An Hoà
53	An Tây
54	Hương Long
55	Hương Sơ
56	Kim Long
57	Phú Bình

58	Phú Cát
59	Phú Hậu
60	Phú Hiệp
61	Phú Hòa
62	Phú Hội
63	Phú Nhuận
64	Phú Thuận
65	Phước Vĩnh
66	Phường Đúc
67	Tây Lộc
68	Thuận Hòa
69	Thuận Lộc
70	Thuận Thành
71	Thủy Biều
72	Thủy Xuân
73	Trường An
74	Vĩnh Ninh
75	Vỹ Dạ
76	Xuân Phú
77 - 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phường Phú Nhuận, thành phố Huế là:

[Phú Nhuận. Thành phố Huế. Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **63.30.H57**

b) Danh mục mã định danh các đơn vị của thị xã Hương Trà:

Thị xã Hương Trà có mã định danh là **32**.

- Cơ quan chuyên môn:

Vùng cấp phát từ **00 đến 19**.

Mã	Tên cơ quan
00	Văn phòng HĐND và UBND

01	Phòng Giáo dục và Đào tạo
02	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
03	Phòng Kinh tế
04	Phòng Nội vụ
05	Phòng Tài chính Kế hoạch
06	Phòng Tài nguyên và Môi trường
07	Phòng Tư pháp
08	Phòng Văn hóa và Thông tin
09	Phòng Y tế
10	Thanh tra
11	Phòng Quản lý đô thị
12 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Y tế trực thuộc thị xã Hương Trà là:

[Phòng Y tế.Thị xã Hương Trà.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **08.32.H57**

- Đơn vị sự nghiệp:

Vùng cấp phát từ **20 đến 49.**

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Đầu tư và Xây dựng
21	Đài Truyền thanh
22	Trung tâm Dạy nghề
23	Trung tâm Giáo dục thường xuyên
24	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
25 – 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm Dạy nghề Hương Trà, thị xã Hương Trà là: [Trung tâm Dạy nghề.Thị xã Hương Trà.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **21.32.H57**

- Đơn vị hành chính:

Vùng cấp phát từ **50 đến 99.**

Mã	Đơn vị hành chính
50	Bình Điền
51	Bình Thành
52	Hải Dương
53	Hồng Tiến
54	Hương An
55	Hương Bình
56	Hương Chũ
57	Hương Hồ
58	Hương Phong
59	Hương Thọ
60	Hương Toàn
61	Hương Vân
62	Hương Văn
63	Hương Vinh
64	Hương Xuân
65	Tứ Hạ
66 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà là:

[Tứ Hạ.Thị xã Hương Trà.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **65.32.H57**

c) Danh mục mã định danh các đơn vị của thị xã Hương Thủy:

Thị xã Hương Thủy có mã định danh là **31**.

- Cơ quan chuyên môn:

Vùng cấp phát từ **00 đến 19**.

Mã	Tên cơ quan
00	Văn phòng HĐND và UBND
01	Phòng Giáo dục và Đào tạo
02	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

03	Phòng Nội vụ
04	Phòng Tài chính - Kế hoạch
05	Phòng Tài nguyên và Môi trường
06	Phòng Tư pháp
07	Phòng Văn hóa và Thông tin
08	Phòng Y tế
09	Thanh tra
10	Phòng Kinh tế
11	Phòng Quản lý đô thị
12 - 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Tư pháp, thị xã Hương Thủy:

[Phòng Tư pháp. Thị xã Hương Thủy. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =06.31.H57

- Đơn vị sự nghiệp:

Vùng cấp phát từ 20 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Đầu tư và Xây dựng
21	Đài Truyền thanh
22	Trạm Khuyến Nông - Lâm - Ngư
23	Trung tâm phát triển quỹ đất
24	Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao
25	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
26 - 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Đài phát thanh, thị xã Hương Thủy là:

[Đài phát thanh. Thị xã Hương Thủy. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =21.31.H57

- Đơn vị hành chính

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Đơn vị hành chính
----	-------------------

50	Phú Bài
51	Dương Hòa
52	Phú Sơn
53	Thủy Bằng
54	Thủy Châu
55	Thủy Dương
56	Thủy Lương
57	Thủy Phù
58	Thủy Phương
59	Thủy Tân
60	Thủy Thanh
61	Thủy Vân
62 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy là:

[Phú Bài. Thị xã Hương Thủy. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =50.31.H57

d) Danh mục mã định danh các đơn vị của huyện Phú Vang:

Huyện Phú Vang có mã định danh là 36.

- Cơ quan chuyên môn:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên cơ quan
00	Văn phòng HĐND và UBND
01	Phòng Giáo dục và Đào tạo
02	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
03	Phòng Nội vụ
04	Phòng Tài chính - Kế hoạch
05	Phòng Tài nguyên và Môi trường
06	Phòng Tư pháp
07	Phòng Văn hóa và Thông tin

08	Phòng Y tế
09	Thanh tra
10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
11	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, huyện Phú Vang là:

[Phòng Kinh tế và Hạ tầng.Huyện Phú Vang.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =
10.36.H57

- Đơn vị sự nghiệp:

Vùng cấp phát từ **20 đến 49**.

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Đầu tư và Xây dựng
21	Đài Truyền thanh
22	Trạm Khuyến Nông - Lâm - Ngư
23	Trung tâm Phát triển quỹ đất
24	Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao
25	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
26 – 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Đài Truyền thanh, huyện Phú Vang là:

[Đài Truyền thanh.Huyện Phú Vang.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**21.36.H57**

- Đơn vị hành chính:

Vùng cấp phát từ **50 đến 99**.

Mã	Đơn vị hành chính
50	Phú An
51	Phú Diên
52	Phú Dương
53	Phú Đa

54	Phú Hải
55	Phú Hồ
56	Phú Lương
57	Phú Mậu
58	Phú Mỹ
59	Phú Thanh
60	Phú Thuận
61	Phú Thượng
62	Phú Xuân
63	Thuận An
64	Vinh An
65	Vinh Hà
66	Vinh Phú
67	Vinh Thái
68	Vinh Thanh
69	Vinh Xuân
70 – 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của xã Vinh Thái, huyện Phú Vang là:

[Vinh Thái. Huyện Phú Vang. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =67.36.H57

đ) Danh mục mã định danh các đơn vị của huyện Phong Điền:

Huyện Phong Điền có mã định danh là 34.

- Cơ quan chuyên môn:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên cơ quan
00	Văn phòng HĐND và UBND
01	Phòng Giáo dục và Đào tạo
02	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
03	Phòng Nội vụ

04	Phòng Tài chính - Kế hoạch
05	Phòng Tài nguyên và Môi trường
06	Phòng Tư pháp
07	Phòng Văn hóa và Thông tin
08	Phòng Y tế
09	Thanh tra
10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
11	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	Trạm Khuyến Nông - Lâm - Ngư
13 - 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Tài chính - Kế hoạch, huyện Phong Điền là:

[Phòng Tài chính - Kế hoạch.Huyện Phong Điền.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =
04.34.H57

- Đơn vị sự nghiệp:

Vùng cấp phát từ 20 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Đầu tư và Xây dựng
21	Ban Quản lý Di tích kiến trúc nghệ thuật Làng cổ Phước Tích
22	Đài Truyền thanh
23	Trung tâm Phát triển quỹ đất
24	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
25 - 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm phát triển quỹ đất, huyện Phong Điền là:

[Trung tâm phát triển quỹ đất.Huyện Phong Điền.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =
21.34.H57

- Đơn vị hành chính:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Đơn vị hành chính
50	Điền Hải
51	Điền Hòa
52	Điền Hương
53	Điền Lộc
54	Điền Môn
55	Phong An
56	Phong Bình
57	Phong Chương
58	Phong Điền
59	Phong Hải
60	Phong Hiền
61	Phong Hòa
62	Phong Mỹ
63	Phong Sơn
64	Phong Thu
65	Phong Xuân
66 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của xã Điền Hòa, huyện Phong Điền là:

[Điền Hòa.Huyện Phong Điền.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **51.34.H57**

e) Danh mục mã định danh các đơn vị của huyện Phú Lộc:

Huyện Phú Lộc có mã định danh là **35**.

- Cơ quan chuyên môn:

Vùng cấp phát từ **00 đến 19**.

Mã	Tên cơ quan
00	Văn phòng HĐND và UBND
01	Phòng Giáo dục và Đào tạo
02	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội

03	Phòng Nội vụ
04	Phòng Tài chính - Kế hoạch
05	Phòng Tài nguyên và Môi trường
06	Phòng Tư pháp
07	Phòng Văn hóa và Thông tin
08	Phòng Y tế
09	Thanh tra
10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
11	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12 - 19	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Văn phòng HĐND và UBND huyện Phú Lộc là:

[Văn phòng HĐND và UBND.Huyện Phú Lộc.Tỉnh Thừa Thiên Huế]=
00.35.H57

- Đơn vị sự nghiệp:

Vùng cấp phát từ 20 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Đầu tư và Xây dựng
21	Đài Truyền thanh
22	Đội Quản lý đô thị
23	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
24	Trung tâm Phát triển quỹ đất
25	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
26 - 49	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Lộc là:

[Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.Huyện Phú Lộc.Tỉnh Thừa Thiên Huế]= 22.35.H57

- Đơn vị hành chính:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Đơn vị hành chính
50	Lăng Cô
51	Lộc An
52	Lộc Bình
53	Lộc Bồn
54	Lộc Điền
55	Lộc Hòa
56	Lộc Hải
57	Lộc Sơn
58	Lộc Thủy
59	Lộc Tiến
60	Lộc Trì
61	Lộc Vĩnh
62	Phú Lộc
63	Vinh Giang
64	Vinh Hải
65	Vinh Hiền
66	Vinh Hưng
67	Vinh Mỹ
68	Xuân Lộc
69 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của thị trấn Lăng Cô huyện Phú Lộc là:

[Lăng Cô.Huyện Phú Lộc.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = 50.35.H57

g) Danh mục mã định danh các đơn vị của huyện Quảng Điền:
 Huyện Quảng Điền có mã định danh là 37.

- Cơ quan chuyên môn:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên cơ quan
----	-------------

00	Văn phòng HĐND và UBND
01	Phòng Giáo dục và Đào tạo
02	Phòng Lao động, Thương binh và hội
03	Phòng Nội vụ
04	Phòng Tài chính – Kế hoạch
05	Phòng Tài nguyên và Môi trường
06	Phòng Tư pháp
07	Phòng Văn hóa và Thông tin
08	Phòng Y tế
09	Thanh tra
10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
11	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12 – 19	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quảng Điền là:

[Phòng Tài nguyên và Môi trường.Huyện Quảng Điền.Tỉnh Thừa Thiên Huế]= **05.37.H57**

- Đơn vị sự nghiệp:

Vùng cấp phát từ **20 đến 49.**

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Đầu tư và Xây dựng
21	Đài Truyền thanh
22	Trung tâm Phát triển quỹ đất
23	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
24 – 49	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Quảng Điền là:

[Trung tâm phát triển quỹ đất. Huyện Quảng Điền. Tỉnh Thừa Thiên Huế]= **21.37.H57**

- Đơn vị hành chính:

Vùng cấp phát từ **50 đến 99**.

Mã	Đơn vị hành chính
50	Quảng An
51	Quảng Công
52	Quảng Lợi
53	Quảng Ngạn
54	Quảng Phú
55	Quảng Phước
56	Quảng Thái
57	Quảng Thành
58	Quảng Thọ
59	Quảng Vinh
60	Sịa
61 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của xã Quảng Vinh huyện Quảng Điền là:

[Quảng Vinh.Huyện Quảng Điền.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**59.37.H57**

h) Danh mục mã định danh các đơn vị của huyện Nam Đông:

Huyện Nam Đông có mã định danh là **33**.

- Cơ quan chuyên môn:

Vùng cấp phát từ **00 đến 19**.

Mã	Tên cơ quan
00	Văn phòng HĐND và UBND
01	Phòng Giáo dục và Đào tạo
02	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội
03	Phòng Nội vụ
04	Phòng Tài chính – Kế hoạch
05	Phòng Tài nguyên và Môi trường

06	Phòng Tư pháp
07	Phòng Văn hóa và Thông tin
08	Phòng Y tế
09	Thanh tra huyện
10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
11	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	Phòng Dân tộc
13 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Dân Tộc huyện Nam Đông là:

[Phòng Dân tộc.Huyện Nam Đông.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **12.33.H57**

- Đơn vị sự nghiệp:

Vùng cấp phát từ **20 đến 49**.

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Đầu tư và Xây dựng
21	Trung tâm phát triển quỹ đất
22	Đài Phát thanh
23	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
24 – 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Nam Đông là:

[Trung tâm phát triển quỹ đất. Huyện Nam Đông. Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **21.33.H57**

- Đơn vị hành chính:

Vùng cấp phát từ **50 đến 99**.

Mã	Đơn vị hành chính
50	Hương Giang
51	Hương Hòa
52	Hương Hữu

53	Hương Lộc
54	Hương Phú
55	Hương Sơn
56	Khe Tre
57	Thượng Lộ
58	Thượng Long
59	Thượng Nhật
60	Thượng Quảng
61 - 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của xã Thượng Nhật huyện Nam Đông là:

[Thượng Nhật.Huyện Nam Đông.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **59.33.H57**

i) Danh mục mã định danh các đơn vị của huyện A Lưới:

Huyện A Lưới có mã định danh là **29**.

- Cơ quan chuyên môn:

Vùng cấp phát từ **00 đến 19**.

Mã	Tên cơ quan
00	Văn phòng HĐND và UBND
01	Phòng Giáo dục và Đào tạo
02	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội
03	Phòng Nội vụ
04	Phòng Tài chính - Kế hoạch
05	Phòng Tài nguyên và Môi trường
06	Phòng Tư pháp
07	Phòng Văn hóa và Thông tin
08	Phòng Y tế
09	Thanh tra
10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
11	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

12	Phòng Dân tộc
13 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện A Lưới là:

[Phòng Giáo dục và Đào tạo.Huyện A Lưới.Tỉnh Thừa Thiên Huế]=
01.29.H57

- Đơn vị sự nghiệp:

Vùng cấp phát từ 20 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Đầu tư và Xây dựng
21	Đài Phát thanh
22	Trung tâm Phát triển quỹ đất
23	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
24 – 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Ban Đầu tư và Xây dựng huyện A Lưới là:

[Ban Đầu tư và Xây dựng.Huyện A Lưới.Tỉnh Thừa Thiên Huế]=
01.29.H57

- Đơn vị hành chính:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Đơn vị hành chính
50	A Đớt
51	A Lưới
52	A Ngo
53	A Roàng
54	Bắc Sơn
55	Đông Sơn
56	Hồng Bắc
57	Hồng Hạ

58	Hồng Kim
59	Hồng Nam
60	Hồng Quảng
61	Hồng Thái
62	Hồng Thượng
63	Hồng Thủy
64	Hồng Trung
65	Hồng Vân
66	Hương Lâm
67	Hương Nguyên
68	Hương Phong
69	Nhâm
70	Phú Vinh
71	Sơn Thủy
72 - 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của xã A Ngo huyện A Lưới là:

[A Ngo.Huyện A Lưới.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = 52.29.H57

3. Danh mục mã định danh các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành.

a) Danh mục mã định danh các đơn vị của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân:

Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh có mã định danh là 00.

- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Công tác đại biểu Quốc hội
01	Phòng Tổng hợp - Kinh tế
02	Phòng Tổng hợp - Văn xã
03	Phòng Tổng hợp - Pháp chế
04	Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị

05	Đội xe
06 – 19	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Tổng hợp - Pháp chế trực thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh là:

[Phòng Tổng hợp - Pháp chế.Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =03.00.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh:

Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
20	Trung tâm Tin học
21 – 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Trung tâm Tin học trực thuộc phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh là:

[Trung tâm Tin học.Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =20.00.H57

b) Danh mục mã định danh các đơn vị của Văn phòng UBND tỉnh:

Văn phòng UBND tỉnh có mã định danh là 01.

- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Tổng hợp
01	Phòng Kinh tế
02	Phòng Đầu tư xây dựng
03	Phòng Văn hóa - Xã hội
04	Phòng Nội chính
05	Phòng Hành chính - Tổ chức
06	Phòng Quản trị - Tài vụ

07 - 19	-- Dự trữ --
---------	--------------

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Văn hóa - Xã hội trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh là:

[Phòng Văn hóa - Xã hội.Văn phòng UBND tỉnh.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=03.01.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Văn phòng UBND tỉnh:

Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
20	Cổng Thông tin điện tử
21	Trung tâm Tin học hành chính
22	Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư
23 - 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Trung tâm Tin học hành chính trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh là:

[Trung tâm Tin học hành chính.Văn phòng UBND tỉnh.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =20.01.H57

c) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Công Thương:

Mã định danh của Sở Công Thương là 02.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Công Thương:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Kế hoạch - Tài chính
03	Phòng Quản lý công nghiệp
04	Phòng Quản lý thương mại
05	Phòng Quản lý điện năng
06	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường

07	Phòng Quản lý xuất, nhập khẩu và thương mại biên giới
08 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Kế hoạch - Tài chính trực thuộc Sở Công thương là:

[Phòng Kế hoạch - Tài chính.Sở Công thương.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=02.02.H57

- Các Chi cục thuộc Sở Công Thương:

Vùng cấp phát từ 20 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
20	Chi cục Quản lý thị trường
21 – 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương là:

[Chi cục Quản lý thị trường.Sở Công Thương.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=20.02.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Công Thương:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
50	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại
51	Trung tâm Tư vấn công nghiệp và Tiết kiệm năng lượng
52 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương là:

[Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại.Sở Công Thương.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =50.02.H57

d) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Giáo dục và Đào tạo

Mã định danh của Sở Giáo dục và Đào tạo là 03.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên Phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Kế hoạch - Tài chính
03	Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng
04	Phòng Giáo dục Mầm non
05	Phòng Giáo dục Tiểu học
06	Phòng Giáo dục Trung học
07	Phòng Giáo dục Chuyên nghiệp
08	Phòng Giáo dục Thường xuyên
09	Phòng Tổ chức Cán bộ
10 - 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là:

[Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng.Sở Giáo dục và Đào tạo.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =03.03.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
20	Trường trung cấp chuyên nghiệp (không bao gồm các trường trung cấp chuyên nghiệp công lập của các Bộ đóng trên địa bàn và các Sở chuyên ngành)
21	Trường trung học phổ thông
22	Trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó, có cấp học trung học phổ thông)
23	Trường phổ thông dân tộc nội trú
24	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp

25	Trung tâm giáo dục thường xuyên
26	Trung tâm giáo dục năng khiếu văn thể mỹ
27	Trung tâm y tế học đường
28	Trung tâm ngoại ngữ, tin học
29	Trường, lớp dành cho người khuyết tật
30	Trường, cơ sở thực hành sư phạm
31	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tri Phương
32 – 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là:

[Trường phổ thông dân tộc nội trú.Sở Giáo dục và Đào tạo.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =22.03.H57

đ) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Giao thông Vận tải:

Mã định danh của Sở Giao thông Vận tải là 04.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Giao thông Vận tải:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Kế hoạch - Tài chính
03	Phòng Quản lý giao thông
04	Phòng Quản lý Vận tải và phương tiện
05	Phòng Quản lý Đào tạo, sát hạch và người lái
06 – 19	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Quản lý giao thông trực thuộc Sở Giao thông Vận tải là:

[Phòng Quản lý giao thông trực.Sở Giao thông Vận tải.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =03.04.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giao thông Vận tải:

Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
20	Ban Đầu tư và Xây dựng giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế
21	Trường Trung học Giao thông vận tải Huế
22	Đoạn Quản lý đường sông tỉnh Thừa Thiên Huế
23	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Thừa Thiên Huế
24 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Đoạn Quản lý đường sông tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc Sở Giao thông Vận tải là:

[Đoạn Quản lý đường sông tỉnh Thừa Thiên Huế.Sở Giao thông Vận tải. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =22.04.H57

e) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Mã định danh của Sở Kế hoạch và Đầu tư là 05.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Đăng ký kinh doanh
03	Phòng Quản lý và Giám sát đầu tư
04	Phòng Tổng hợp
05	Phòng Kinh tế ngành
06	Phòng Văn xã
07	Phòng Kinh tế đối ngoại
08	Phòng Xây dựng cơ bản
09 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư là:

[Phòng Đăng ký kinh doanh.Sở Kế hoạch và Đầu tư.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=02.05.H57

g) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Khoa học và Công nghệ:

Mã định danh của Sở Khoa học và Công nghệ là 06.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Kế hoạch - Tài chính
03	Phòng Quản lý Khoa học
04	Phòng Quản lý Công nghệ
05	Phòng Quản lý Sở hữu trí tuệ
06 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Quản lý Khoa học trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ là:

[Phòng Quản lý Khoa học.Sở Khoa học và Công nghệ.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =03.06.H57

- Các Chi cục thuộc Sở Khoa học và Công nghệ:

Vùng cấp phát từ 20 đến 39.

Mã	Tên đơn vị
20	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
21 – 39	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ là:

[Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.Sở Khoa học và Công nghệ.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =20.04.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ:

Vùng cấp phát từ 40 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
40	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
41 – 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ là:

[Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Sở Khoa học và Công nghệ. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =40.20.04.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
50	Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ
51	Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển
52	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ
53 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ là:

[Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =50.06.H57

h) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

Mã định danh của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội là 07.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở

01	Thanh tra Sở
02	Phòng Kế hoạch - Tài chính
03	Phòng Lao động - Tiền lương
04	Phòng Việc làm - An toàn lao động
05	Phòng Dạy nghề
06	Phòng Chính sách có công
07	Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
08	Chi cục Bảo trợ xã hội - Bảo vệ, chăm sóc trẻ em
09 - 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Việc làm - An toàn lao động trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội là:

[Phòng Việc làm - An toàn lao động.Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **04.07.H57**

**- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
Vùng cấp phát từ 20 đến 99.**

Mã	Tên đơn vị
20	Trung tâm Nuôi dưỡng và Cung cấp dịch vụ công tác xã hội
21	Trung tâm Giới thiệu việc làm
22	Trung tâm Bảo trợ xã hội
23	Trung tâm Giáo dục lao động xã hội
24	Trung tâm Bảo trợ trẻ em
25	Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công
26	Quỹ Bảo trợ trẻ em
27 - 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội là:

[Trung tâm Giới thiệu việc làm.Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = **21.07.H57**

i) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Ngoại vụ:

Mã định danh của Sở Ngoại vụ là 08.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Ngoại vụ:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Lễ tân – Hợp tác quốc tế
03	Phòng Lãnh sự
04	Phòng Phi Chính phủ nước ngoài (NGO)
05 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Lễ tân - Hợp tác quốc tế trực thuộc Sở Ngoại vụ là:

[Phòng Lễ tân - Hợp tác quốc tế.Sở Ngoại vụ.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=02.08.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Ngoại vụ:

Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
20	Trung tâm Dịch vụ đối ngoại
21 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm dịch vụ đối ngoại thuộc Sở Ngoại vụ là:

[Trung tâm Dịch vụ đối ngoại.Sở Ngoại vụ.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=20.08.H57

k) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Nội vụ:

Mã định danh của Sở Nội vụ là 09.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
----	-----------

00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Tổ chức - Biên chế
03	Phòng Cán bộ - Công chức
04	Phòng Xây dựng chính quyền
05	Phòng Cải cách hành chính
06	Phòng Công tác thanh niên
07 - 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Tổ chức - Biên chế trực thuộc Sở Nội vụ là:

[Phòng Tổ chức - Biên chế.Sở Nội vụ.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**02.09.H57**

- Các Chi cục thuộc Sở Nội vụ:

Vùng cấp phát từ 20 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
20	Chi cục Văn thư - Lưu trữ
21 - 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Chi cục Văn thư - Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ là:

[Chi cục Văn thư - Lưu trữ.Sở Nội vụ.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**20.09.H57**

- Các đơn vị trực thuộc Sở Nội vụ:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
50	Ban Thi đua - Khen thưởng
51	Ban Tôn giáo
52 - 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ là:

[Ban Tôn giáo.Sở Nội vụ.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**51.09.H57**

l) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Mã định danh của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 10.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Tổ chức cán bộ
03	Phòng Trồng trọt, Chăn nuôi
04	Phòng Kế hoạch – Tài chính
05	Phòng Quản lý xây dựng công trình
06 – 19	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Tổ chức cán bộ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là:

[Phòng Tổ chức cán bộ.Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =03.10.H57

- Các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Vùng cấp phát từ 20 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
20	Chi cục Bảo vệ thực vật
21	Chi cục Thú y
22	Chi cục Kiểm lâm
23	Chi cục Lâm nghiệp
24	Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản
25	Chi cục Nuôi trồng Thủy sản
26	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống lụt, bão

27	Chi cục Phát triển nông thôn
28	Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản
29 – 49	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là:

[Chi cục Thú y.Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**21.10.H57**

**- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:
Vùng cấp phát từ 50 đến 99.**

Mã	Tên đơn vị
50	Ban Đầu tư và Xây dựng Nông nghiệp và phát triển nông thôn
51	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Sông Bồ
52	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Sông Hương
53	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Nam Đông
54	Ban Quản lý Rừng phòng hộ A Lưới
55	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Hương Thủy
56	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Bắc Hải Vân
57	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền
58	Ban Quản lý Khu bảo tồn Sao La
59	Cảng cá Thừa Thiên Huế
60	Trung tâm Khuyến nông - lâm - ngư
61	Trung tâm Quy hoạch và Thiết kế Nông lâm nghiệp
62	Trung tâm Giống Thủy sản
63 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Ban Quản lý Rừng phòng hộ A Lưới thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là:

[Ban Quản lý Rừng phòng hộ A Lưới.Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**59.10.H57**

m) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Tài chính:

Mã định danh của Sở Tài chính là 12.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính:

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Quản lý ngân sách
03	Phòng Tài chính Hành chính – Sự nghiệp
04	Phòng Quản lý Tài chính Đầu tư
05	Phòng Quản lý Giá và Công sản
06	Phòng Tin học - Thống kê tài chính
07	Phòng Tài chính doanh nghiệp
08 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Quản lý ngân sách trực thuộc Sở Tài chính là:

[Phòng Quản lý ngân sách.Sở Tài chính.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =02.12.H57

n) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Mã định danh của Sở Tài nguyên và Môi trường là 13.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Tài nguyên khoáng sản
03	Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng Thủy văn
04	Phòng Chính sách giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
05	Phòng Đo đạc và Bản đồ

06 – 19	-- Dụ trữ --
---------	--------------

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Tài nguyên khoáng sản trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là:

[Phòng Tài nguyên khoáng sản.Sở Tài nguyên và Môi trường.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =02.13.H57

- Các Chi cục thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường:

Vùng cấp phát từ 20 đến 39.

Mã	Tên đơn vị
20	Chi cục Bảo vệ môi trường
21	Chi cục Quản lý đất đai
22	Chi cục Biển, Đảo và Đầm phá
21 – 39	-- Dụ trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là:

[Chi cục Bảo vệ môi trường.Sở Tài nguyên và Môi trường.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =20.13.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường:

Vùng cấp phát từ 40 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
40	Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường
41 – 49	-- Dụ trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường thuộc Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường là:

[Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường.Chi cục Bảo vệ môi trường.Sở Tài nguyên và Môi trường. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =41.20.13.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
50	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất
51	Trung tâm Kỹ thuật
52	Trung tâm Phát triển quỹ đất
53	Trung tâm Công nghệ Thông tin
54 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là:

[Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất.Sở Tài nguyên và Môi trường.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =50.13.H57

o) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Thông tin và Truyền thông:

Mã định danh của Sở Tài nguyên và Môi trường là 14.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Thông tin và Truyền thông:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Kế hoạch - Tài chính
03	Phòng Công nghệ thông tin
04	Phòng Bưu chính
05	Phòng Viễn thông
06	Phòng Xuất bản - Báo chí
07 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Kế hoạch - Tài chính trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông là:

[Phòng Kế hoạch - Tài chính.Sở Thông tin và Truyền thông.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =02.14.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Thông tin và Truyền thông:
Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
20	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
21	Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử tỉnh
22 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông là:

[Trung tâm Công nghệ thông tin.Sở Thông tin và Truyền thông.Tỉnh Thừa Thiên Huế] = 20.14.H57

p) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Tư pháp:

Mã định danh của Sở Tư pháp là 15.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Xây dựng và thẩm định văn bản
03	Phòng Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật
04	Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật
05	Phòng Hành chính tư pháp
06	Phòng Hỗ trợ tư pháp
07	Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính
08 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Xây dựng và thẩm định văn bản trực thuộc Sở Tư pháp là:

[Phòng Xây dựng và thẩm định văn bản.Sở Tư pháp.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =02.15.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp:

Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
20	Phòng Công chứng số 1
21	Phòng Công chứng số 2
22	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước
23	Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản
24 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Công chứng số 1 thuộc Sở Tư pháp là:

[Phòng Công chứng số 1.Sở Tư pháp.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =20.15.H57

q) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Mã định danh của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch 16.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Kế hoạch – Tài chính
03	Phòng Nghiệp vụ văn hóa – nghệ thuật
04	Phòng Di sản văn hóa
05	Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình
06	Phòng Nghiệp vụ thể dục thể thao
07	Phòng Nghiệp vụ du lịch
08	Phòng Quy hoạch và Phát triển du lịch
09	Phòng Tổ chức cán bộ
10 – 19	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Nghiệp vụ văn hóa - nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là:

[Phòng Nghiệp vụ văn hóa - nghệ thuật.Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =03.16.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
20	Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng
21	Bảo tàng Hồ Chí Minh
22	Thư viện Tổng hợp tỉnh
23	Trung tâm Văn hóa Thông tin
24	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng
25	Trung tâm Quản lý tổ chức biểu diễn ca Huế
26	Trung tâm Thể thao Huế
27	Trung tâm Thể thao dưới nước
28	Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật
29	Trường Trung cấp thể dục thể thao
30	Nhà hát Nghệ thuật Ca kịch Huế
31	Đoàn Bóng đá
32	Trung tâm Nghệ thuật Lê Bá Đảng
33	Trung tâm Thông tin Xúc tiến và Du lịch
34 – 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Trung tâm Văn hóa Thông tin trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là:

[Trung tâm Văn hóa Thông tin.Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =23.16.H57

r) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Xây dựng:

Mã định danh của Sở Xây dựng là 17.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở
02	Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản
03	Phòng Kiến trúc, quy hoạch xây dựng
04	Phòng Hạ tầng kỹ thuật
05	Phòng Quản lý xây dựng
06 – 19	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Kiến trúc, quy hoạch xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng là:

[Phòng Kiến trúc, quy hoạch xây dựng.Sở Xây dựng.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=03.17.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Xây dựng:

Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
20	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng
21 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng là:

[Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng.Sở Xây dựng.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =20.17.H57

s) Danh mục mã định danh các đơn vị của Sở Y tế:

Mã định danh của Sở Y tế là 18.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng Sở
01	Thanh tra Sở

02	Phòng Kế hoạch – Tài chính
03	Phòng Nghiệp vụ Y
04	Phòng Nghiệp vụ Dược
05	Phòng Tổ chức cán bộ
06 – 19	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Nghiệp vụ Y trực thuộc Sở Y tế là:

[Phòng Nghiệp vụ Y.Sở Y tế. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =03.18.H57

- Các Chi cục thuộc Sở Y tế:

Vùng cấp phát từ 20 đến 49.

Mã	Tên đơn vị
20	Dân số - Kế hoạch hoá gia đình
21	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm
22 – 49	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình thuộc Sở Y tế là:

[Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình.Sở Y tế.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =20.18.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
50	Bệnh viện Đa khoa tỉnh
51	Bệnh viện Điều Dưỡng và Phục hồi chức năng
52	Bệnh viện Y học cổ truyền
53	Bệnh viện Mắt Huế
54	Bệnh viện Răng Hàm Mặt Huế
55	Bệnh viện Tâm thần Huế
56	Phòng Bảo vệ sức khỏe cán bộ

57	Trung tâm Y tế dự phòng
58	Bệnh viện Phong - Da liễu tỉnh
59	Bệnh viện Lao và bệnh phổi
60	Bệnh viện Đa khoa Phong Điền
61	Bệnh viện Đa khoa Chân Mây
62	Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS
63	Trung tâm phòng, chống sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng
64	Trung tâm Chăm sóc sức khoẻ sinh sản
65	Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe
66	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm
67	Trung tâm Pháp y tỉnh
68	Trung tâm Vận chuyển cấp cứu
69	Trung tâm Giám định Pháp y tâm thần
70	Trung tâm Giám định Y khoa
71	Trung tâm Y tế thành phố Huế
72	Trung tâm Y tế huyện Phong Điền
73	Trung tâm Y tế huyện Quảng Điền
74	Trung tâm Y tế huyện Hương Trà
75	Trung tâm Y tế huyện Phú Vang
76	Trung tâm Y tế huyện Hương Thủy
77	Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc
78	Trung tâm Y tế huyện Nam Đông
79	Trung tâm Y tế huyện A Lưới
80 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Trung tâm Y tế huyện A Lưới thuộc Sở Y tế là:

[Trung tâm Y tế huyện A Lưới.Sở Y tế.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =79.18.H57

t) Danh mục mã định danh các đơn vị của Thanh tra tỉnh:

Mã định danh của Thanh tra tỉnh là 20.

- Các phòng chuyên môn thuộc Thanh tra tỉnh:

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng
01	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1
02	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2
03	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3
04	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 4
05	Phòng Tiếp công dân
06 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 trực thuộc Thanh tra tỉnh là:

[Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1. Thanh tra tỉnh. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =01.20.H57

u) Danh mục mã định danh các đơn vị của Ban dân tộc:

Mã định danh của Ban dân tộc là 21.

Các phòng chuyên môn thuộc Ban dân tộc

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng
01	Phòng Thanh tra
02	Phòng Kinh tế
03	Phòng Văn xã
04 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Kinh tế trực thuộc Ban Dân tộc là:

[Phòng Kinh tế. Ban Dân tộc. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =01.21.H57

4. Khung mã định danh cho các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh:

a) Danh mục mã định danh của Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh:

Mã định danh của Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh là 51.

- Các phòng chuyên môn thuộc Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh:

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng
01	Phòng Kế toán
02	Phòng Kế hoạch
03	Phòng Kỹ thuật
04	Phòng Thẩm định
05	Phòng Quản lý nhà
06 – 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Kế toán trực thuộc Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh là:

[Phòng Kế toán. Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh. Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=01.51.H57

b) Danh mục mã định danh của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh:

Mã định danh của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh là 52.

- Các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh:

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng
01	Phòng Quản lý Đầu tư và Quy hoạch
02	Phòng Quản lý Doanh nghiệp và Môi trường
03	Trung tâm Dịch vụ khu công nghiệp
04 – 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Quản lý Đầu tư và Quy hoạch trực thuộc Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh là:

[Phòng Quản lý Đầu tư và Quy hoạch. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =01.52.H57

c) Danh mục mã định danh của Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô:

Mã định danh của Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô là 53.

- Các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô:

Vùng cấp phát từ 00 đến 19.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng
01	Thanh tra
02	Phòng Kế hoạch – Tài chính
03	Phòng Xúc tiến đầu tư và Xuất nhập khẩu
04	Phòng Xây dựng, Tài nguyên và môi trường
05	Phòng Quản lý doanh nghiệp và Lao động
06 – 19	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Kế hoạch - Tài chính trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô là:

[Phòng Kế hoạch - Tài chính. Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =02.53.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

Vùng cấp phát từ 20 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
00	Ban Đầu tư và Xây dựng Khu kinh tế
01	Trung tâm tư vấn đầu tư và dịch vụ việc làm
02	Ban Quản lý dự án xây dựng trụ sở

03 – 99	-- Dự trữ --
---------	--------------

Ví dụ: Mã định danh của Ban Đầu tư và Xây dựng Khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Chân mây – Lãng cô là:

[Ban Đầu tư và Xây dựng Khu kinh tế.Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lãng Cô.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**00.53.H57**

d) Danh mục mã định danh của Ban Quản lý Phát triển khu đô thị mới:

Mã định danh của Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới là **54**.

- Các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Phát triển khu đô thị mới:

Vùng cấp phát từ **00 đến 99**.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Tổng hợp
01	Phòng Kỹ thuật – Hạ tầng
02	Phòng Quản lý và xúc tiến đầu tư
03	Ban Quản lý dự án
04 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Kỹ thuật - Hạ tầng trực thuộc Ban Quản lý Phát triển khu đô thị mới là:

[Phòng Kỹ thuật - Hạ tầng. Ban Quản lý Phát triển khu đô thị mới.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**01.54.H57**

đ) Danh mục mã định danh của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh:

Mã định danh của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh là **55**.

- Các phòng chuyên môn thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh:

Vùng cấp phát từ **00 đến 99**.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Tổ chức và hành chính
01	Phòng Thời sự

02	Phòng Biên tập
03	Phòng Phát thanh và Thông tin điện tử
04	Phòng Văn nghệ và Giải trí
05	Phòng Kỹ thuật và Công nghệ
06	Phòng Dịch vụ và Quảng cáo
07	Phòng Kế hoạch và Tài vụ
08	Phòng Chuyên đề và Khoa giáo
09 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Biên tập trực thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh là:

[Phòng Biên tập. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =02.55.H57

e) Danh mục mã định danh của Nhà xuất bản Thuận hoá:

Mã định danh của Nhà xuất bản Thuận hoá là 56.

- Các phòng chuyên môn thuộc Nhà xuất bản Thuận hoá:

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Hành chính trị sự
01	Ban Biên tập

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Hành chính trị sự trực thuộc Nhà xuất bản Thuận hoá là:

[Phòng Hành chính trị sự. Nhà xuất bản Thuận hoá. Tỉnh Thừa Thiên Huế] =02.00.H56

g) Danh mục mã định danh của Trường Cao đẳng Nghề Thừa Thiên Huế

Mã định danh của Trường Cao đẳng Nghề là 57.

- Các phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường Cao đẳng Nghề:

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Tổ chức Hành chính - Tài vụ
01	Phòng Đào tạo
02	Phòng Quản lý học sinh sinh viên
03	Phòng Quản trị cơ sở vật chất
04	Phòng Nghiên cứu khoa học và hợp tác Quốc tế
05	Trung tâm sản xuất thực nghiệm và Dịch vụ
06	Khoa Cơ khí
07	Khoa Điện
08	Khoa cơ bản
09 - 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Đào tạo trực thuộc Trường Cao đẳng Nghệ tỉnh là:

[Phòng Đào tạo.Trường Cao đẳng Nghệ.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=01.57.H57

h) Danh mục mã định danh của Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế:

Mã định danh của Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế là **58**.

- Các phòng, khoa chuyên môn thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế:

Vùng cấp phát từ **00 đến 99**.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Tổ chức - Công tác sinh viên
01	Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học
02	Phòng Hành chính - Quản trị
03	Khoa Xã hội
04	Khoa Nghệ thuật
05	Khoa Tự nhiên - Kinh tế

06	Khoa Ngoại ngữ - Tin học
07	Khoa Quản trị - Nghiệp vụ
08	Khoa Giáo dục Mầm non
09	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
10	Trung tâm Hỗ trợ học tập (KLF) - Thư viện
11 - 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Khoa Xã hội trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế là:

[Khoa Xã hội.Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =03.58.H57

h) Danh mục mã định danh của Trường Cao đẳng Y tế Huế:

Mã định danh của Trường Cao đẳng Y tế Huế là 59.

- Các phòng, khoa chuyên môn thuộc Trường Cao đẳng Y tế Huế:

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Đào tạo
01	Phòng Tổ chức - Hành chính
02	Phòng Quản trị - đời sống
03	Phòng Quản lý học sinh - sinh viên
04	Phòng Kế hoạch - Tài chính
05	Phòng Nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế
06	Khoa Y
07	Khoa khoa học cơ bản
08	Khoa Dược
09 - 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Tổ chức - Hành chính trực thuộc Trường Cao đẳng Y tế Huế là:

[Phòng Tổ chức - Hành chính.Trường Cao đẳng Y tế Huế.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =01.59.H57

i) Danh mục mã định danh của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế:

Mã định danh của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế là 60.

- Các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế:

Vùng cấp phát từ 00 đến 49.

Mã	Tên phòng
00	Văn phòng
01	Phòng Kế hoạch - Tài chính
02	Phòng Nghiên cứu Khoa học
03	Phòng Hợp tác Đối ngoại
04	Phòng Hướng dẫn - Thuyết minh
05	Phòng Kỹ thuật
06	Phòng Quản lý Bảo vệ
07	Phòng Cảnh quan Môi trường
08	Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế
09	Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Cung đình Huế
10	Ban Quản lý Dự án di tích Huế
11 - 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Nghiên cứu Khoa học trực thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế là:

[Phòng Nghiên cứu Khoa học.Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =02.60.H57

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế:

Vùng cấp phát từ 50 đến 99.

Mã	Tên đơn vị
50	Trung tâm Phát triển Dịch vụ di tích Huế

51	Ban Tư vấn và Bảo tồn Di tích.Cố đô Huế
52 – 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Trung tâm Phát triển Dịch vụ di tích Huế trực thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế là:

[Trung tâm Phát triển Dịch vụ di tích Huế.Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**50.60.H57**

k) Danh mục mã định danh của Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh:

Mã định danh của Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh là **61**.

- Các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh:

Vùng cấp phát từ **00** đến **99**.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Hành chính - Tổng hợp
01	Phòng Đào tạo
02	Phòng Dịch vụ và hạ tầng công nghệ thông tin
03	Phòng Nghiên cứu và triển khai ứng dụng
04 – 99	-- Dự trữ --

Vi dụ: Mã định danh của Phòng Đào tạo trực thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh là:

[Phòng Đào tạo.Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh.Tỉnh Thừa Thiên Huế] =**01.61.H57**

l) Danh mục mã định danh của Trung tâm Festival Huế:

Mã định danh của Trung tâm Festival Huế là **62**.

- Các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm Festival Huế:

Vùng cấp phát từ **00** đến **99**.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Tổng hợp

01	Phòng Nghệ thuật
02	Phòng Kỹ thuật
03	Phòng Thông tin, Truyền thông
04 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Tổng hợp trực thuộc Trung tâm Festival Huế là:

[Phòng Tổng hợp.Trung tâm Festival Huế.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=03.62.H57

m) Danh mục mã định danh của Viện Quy hoạch và Xây dựng tỉnh:

Mã định danh của Viện Quy hoạch và Xây dựng tỉnh là 63.

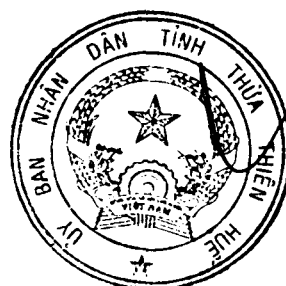
- Các phòng, trung tâm chuyên môn thuộc Viện Quy hoạch và Xây dựng tỉnh:

Vùng cấp phát từ 00 đến 99.

Mã	Tên phòng
00	Phòng Kế hoạch Tổng hợp
01	Phòng Kế toán
02	Phòng Quy hoạch
03	Phòng Kiến trúc
04	Phòng Nghiên cứu khoa học, đào tạo và hợp tác Quốc tế
05	Phòng Khảo sát - Giám sát kỹ thuật
06 – 99	-- Dự trữ --

Ví dụ: Mã định danh của Phòng Quy hoạch trực thuộc Viện Quy hoạch và Xây dựng tỉnh là:

[Phòng Quy hoạch.Viện Quy hoạch và Xây dựng.Tỉnh Thừa Thiên Huế]
=02.63.H57



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ